

ỦY BAN DÂN TỘC

**Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020
“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc
ở Việt Nam đến năm 2030”, mã số CTDT/16-20**

Đề tài:

QUẢN LÝ XUNG ĐỘT XÃ HỘI VÀ ĐIỂM NÓNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ NƯỚC TA HIỆN NAY

Mã số: CTDT.13.17/16-20

KIẾN NGHỊ CỦA ĐỀ TÀI

Chủ nhiệm đề tài

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ TRÌ

K/T Giám đốc

Phó Giám đốc

GS.TSKH Phan Xuân Sơn

PGS.TS. Lê Văn Lợi

Hà Nội, năm 2020

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung, công việc
1	GS TSKH Phan Xuân Sơn	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Chủ nhiệm
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Dung	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Thư ký khoa học
3	PGS TS Luu Văn Quảng	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Thành viên
4	GS TS Dương Xuân Ngọc	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Thành viên
5	PGS TS Vũ Hoàng Công	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Thành viên
6	PGS TS Nguyễn Chí Dũng	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Thành viên
7	TS Lê Quang Hoà	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Thành viên
8	TS Bùi Việt Hương	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Thành viên
9	TS Phạm Thế Lực	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Thành viên
10	TS Lê Thị Thu Mai	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Thành viên

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
1. Kiến nghị với Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Hành chính quốc gia về đào tạo cán bộ vùng tộc người thiểu số có năng lực quản lý xung đột xã hội	2
2. Kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, Ủy Ban dân tộc, các bộ ngành có liên quan đến chính sách dân tộc	3
3. Kiến nghị với Bộ Tài Nguyên Môi trường	5
4. Kiến nghị với Ban tuyên giáo, Ban Đối ngoại và Bộ Ngoại giao về tuyên truyền đấu tranh ngoại giao	5
5. Kiến nghị với Ban Dân vận Trung ương về công tác dân vận vùng tộc người thiểu số	7
6. Kiến nghị với các cơ quan hữu quan liên quan đề tiếp nhận sự giúp đỡ quốc tế	8
7. Kiến nghị với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	9
8. Kiến nghị với Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp, lực lượng vũ trang, công an nhân dân, các phương tiện truyền thông về sử dụng khái niệm “Dân tộc” và “Tộc người”	11
9. Kiến nghị với Ban Bí thư, Chính phủ về chính sách tôn giáo	12
10. Kiến nghị với các địa phương Tây Nam Bộ về thực hiện chính sách tôn giáo	13

MỞ ĐẦU

Quản lý xung đột xã hội, là một bộ phận của quản lý nhà nước đối với toàn xã hội, là quá trình Nhà nước sử dụng các công cụ, nguồn lực và phương thức nhất định tác động vào quá trình xung đột xã hội, nhằm giải tỏa xung đột, hạn chế những hậu quả tiêu cực do xung đột gây ra, tạo các điều kiện để xã hội nơi xảy ra xung đột, không tái xung đột, trở lại hoạt động bình thường, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Quản lý xung đột xã hội là một loại quản lý đặc biệt. Bởi vì trong đó xảy ra mâu thuẫn, và chạm, tranh chấp giữa các bên, từ ngầm ngầm, công khai, căng thẳng, đối đầu cho đến một mất một còn (không tương dung). Các nguồn lực, công cụ, phương thức quản lý xung đột xã hội đặc biệt, khác với quản lý xã hội thông thường. Đặc biệt quản lý xung đột xã hội ở giai đoạn cao (đối đầu và không tương dung), quản lý xung đột xã hội mang tính chất xử lý tình huống chính trị. Trong quản lý xung đột xã hội, chủ thể quản lý (ở đề tài này là Nhà nước), có thể là một bên của xung đột. Quản lý xung đột xã hội, đặc biệt là quản lý điểm nóng chính trị - xã hội (giai đoạn cao của xung đột), mang tính hệ trọng. Bởi vì đó là các tình huống chính trị, nó mang tính cấp bách (không thể trì hoãn), mang tính bất ngờ (ngoài kế hoạch), mang tính thảm họa, tính khủng hoảng. Có nghĩa rằng, quản lý xung đột xã hội và điểm nóng chính trị - xã hội là vấn đề rất hệ trọng. Chỉ cần quản lý không tốt, tình huống không những lan truyền ra phạm vi quốc gia hoặc quốc tế, nó có thể hủy hoại tất cả các thành tựu mà nhân dân, chính quyền, phấn đấu nhiều năm mới đạt được. Quản lý xung đột xã hội không tốt, không chỉ có thể gây ra mất ổn định chính trị - xã hội mà có thể gây nên khủng hoảng xã hội, gây nên sự sụp đổ chế độ chính trị, chế độ nhà nước, mà sự sụp đổ Liên Xô và nhiều nước khác là những ví dụ điển hình.

Trong Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của Đề tài, nhóm nghiên cứu đã nêu nhiều quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý xung đột xã hội và điểm nóng chính trị - xã hội vùng tộc người thiểu số ở nước ta. Nhìn chung, các quan điểm và giải pháp của Báo cáo đã được lập luận nhằm vượt qua những thách thức đặt ra, những yếu kém trong quản lý xung đột xã hội và điểm nóng chính trị - xã hội vùng tộc người thiểu số. Để thực hiện những quan điểm và giải pháp, cần có những kiến nghị, chỉ rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ biện pháp của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nước ta nói chung, trong bộ máy nhà nước nói riêng.

Đề tài xin có một số kiến nghị cụ thể như sau:

1. Đối với Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Hành chính quốc gia :

Kiến nghị về nâng cao năng lực quản lý của chủ thể quản lý

Nguyên nhân hàng đầu dẫn đến yếu kém trong quản lý xung đột xã hội đó là yếu kém trong nhận thức về xung đột và quản lý xung đột xã hội. Do nhận thức sai về xung đột xã hội, vai trò, tính chất, biểu hiện của xung đột xã hội, mà từng xảy ra hiện tượng phủ nhận xung đột xã hội, giải thích sai lệch về mâu thuẫn xã hội (vốn là động lực của vận động và phát triển xã hội), cố che giấu mâu thuẫn, xung đột, coi thường hoặc bi kịch hóa xung đột xã hội đều mang lại nguy hiểm như nhau.

1) Bằng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong hệ thống các nhà trường, học viện, bằng công tác tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về xung đột xã hội và quản lý xung đột xã hội cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức viên chức và các cộng đồng dân cư. Các hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực rất đa dạng, cần lựa chọn những hình thức và nội dung phù hợp với từng đối tượng. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần tập trung nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức viên chức và cộng đồng về tri thức, kỹ năng và thái độ đối với xung đột xã hội và quản lý xung đột xã hội.

2) Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Bộ Nội vụ, cần có kế hoạch đưa nhận thức, kỹ năng và thái độ của quản lý xung đột xã hội thành một yếu tố trong « khung năng lực» để xây dựng hệ thống chính trị các cấp; xây dựng hệ thống quản lý của chính quyền các cấp; dùng để xác định vị trí việc làm và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, tùy theo yêu cầu của những vị trí cần năng lực quản lý xung đột xã hội. Khung năng lực quản lý xung đột xã hội cần có những yếu tố sau:

- Tri thức về xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội.
- Kỹ năng quản lý xung đột xã hội (kỹ năng phân tích tình hình, kỹ năng quản lý, giải tỏa, kỹ năng dự báo...)
- Thái độ khách quan khoa học với xung đột xã hội và quản lý xung đột xã hội.

3) Các hình thức đào tạo bồi dưỡng có thể linh hoạt: lồng ghép chương trình đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý xung đột xã hội trong các chương trình, các hệ đào tạo, bồi dưỡng hiện nay. Nếu điều này làm cho các chương trình hiện có vốn đã ôm đồm sẽ trở nên quá tải. Vì vậy, nên xây dựng các chương trình bồi dưỡng riêng phù hợp với điều kiện công tác của cán bộ, công chức và tình hình đặc thù của vùng tộc người thiểu số.

Đào tạo có thể diễn ra bằng nhiều hình thức: chính thức, không chính thức, trao đổi học tập kinh nghiệm, hay nâng cao kỹ năng quản lý trên các xung đột thực

tế. Nhiều quốc gia đã xây dựng chương trình đào tạo quản lý xung đột xã hội cho các nhà lãnh đạo và các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nhà nước trong quản lý và giải quyết xung đột ở các nhà trường.

2. Đối với Quốc hội, Chính phủ, Ủy Ban dân tộc, các bộ ngành có liên quan đến chính sách dân tộc:

Kiến nghị về việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc hoạch định và thực hiện chính sách cho vùng tộc người thiểu số

Hiện nay, đã có 66 luật và hơn 200 văn bản dưới luật tham gia điều chỉnh đối với vùng tộc người thiểu số và miền núi, chính sách dân tộc nằm rải rác ở các văn bản khác nhau thuộc nhiều Bộ, ngành quản lý, nên dù nhiều, nhưng vẫn chưa đầy đủ, có sự chông chéo và không ít xung đột mâu thuẫn và nhiều hạn chế khác. Để khắc phục được tình trạng này, Đề tài ủng hộ Chương trình quốc gia về phát triển vùng dân tộc miền núi năm 2021- 2025, tầm nhìn năm 2030 vừa được Quốc hội thông qua.

1) Kiến nghị Ủy ban Dân tộc thúc đẩy nhanh việc xây dựng Luật hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nên gọi là Luật về các tộc người thiểu số Việt Nam).

2) Đối với các cơ quan hoạch định và thực hiện chính sách, Đề tài kiến nghị nên hoạch định và thực hiện theo 3 loại chính sách:

- *Chính sách bảo trợ*: Đối với các địa phương các tộc người có kinh tế ở một trình độ quá thấp dựa chủ yếu vào các nguồn lợi tự nhiên. Nếu thiếu quyền chiếm hữu các nguồn lợi tự nhiên, các nguồn tài nguyên thiên nhiên thì các hoạt động kinh tế kiểu “kinh tế rừng” sẽ bị suy giảm, sụp đổ. Vì vậy, cần có các chính sách liên quan đến quyền chiếm hữu tài nguyên thiên nhiên, trước hết là ruộng đất, rừng, phải phù hợp với kết cấu kinh tế xã hội và kiểu kinh tế còn mang nặng tính tự cung, tự cấp.

- *Chính sách hỗ trợ*: Nhằm giúp đồng bào các tộc người tăng nội lực, có những điều kiện để chuyển đổi, hội nhập được vào quá trình kinh tế thị trường. Đó là các chính sách phát triển cơ sở hạ tầng, phá bỏ sự cô lập, tăng sự giao lưu và các điều kiện vật chất chung cho sự phát triển sản xuất và dịch vụ công cộng của buôn làng. Chính sách hỗ trợ thúc đẩy kinh tế hộ phát triển, giáo dục miễn phí cho trẻ em, đào tạo nghề, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi.

- *Chính sách đầu tư phát triển*: Là loại chính sách chủ yếu hoặc hoàn toàn dựa trên quan hệ thị trường. Nhà đầu tư tìm kiếm lợi nhuận, nhà cung ứng, dịch vụ, lao động được trả tiền cho các hàng hóa, dịch vụ, công lao động. Các bên bình đẳng trước pháp luật và trước thị trường.

Những chính sách kinh tế ở giai đoạn đầu cần nghiêng về chính sách xoá đói giảm nghèo, những chính sách mang tính chất bảo trợ (cho không); tiếp đến là các chính sách giúp đỡ, nuôi dưỡng, diu dắt, nhờ đó kinh tế của đồng bào các dân tộc nhanh chóng vượt qua kinh tế tự nhiên, tự cung, tự cấp (đó là chính sách hỗ trợ); sau cùng đồng bào các tộc người thiểu số đã tiếp cận với quan hệ kinh tế thị trường, dùng các quan hệ thị trường để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng tộc người thiểu số (Đầu tư). Trong thời gian vừa qua chúng ta cũng đã thực hiện được một số chính sách loại này. Tuy nhiên không rõ ràng về phân loại và địa bàn, mang tính bình quân, tiến độ và kết quả còn rất hạn chế.

3) Hoàn thiện chính sách đối với vùng tộc người thiểu số cần theo hướng: Gắn kết thống nhất giữa chính sách phát triển tộc người với chính sách phát triển vùng.

Thời gian thực hiện phải hợp lý theo từng loại chính sách; phân loại sự khác biệt trong nội dung chính sách, ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Giảm sự khó khăn rườm rà trong các trình tự thủ tục thực hiện chính sách. Có lộ trình giảm dần các chính sách mang tính bảo trợ, hỗ trợ. Tăng tính đồng bộ, thống nhất, phối hợp của các bộ ngành, làm rõ các trách nhiệm giải trình trong các chu trình chính sách, từ thẩm quyền ra quyết định, cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện, đánh giá chính sách...đến các trình tự thủ tục hành chính, cấp vốn...

4) Hoàn thiện và đổi mới các chính sách đất đai, đổi mới luật và các cơ chế quản lý xung đột đất đai

Hiện nay, ở vùng tộc người thiểu số đang tồn tại 3 hình thức xung đột đất đai chủ yếu: (i) Xung đột về quyền: quyền sở hữu, quyền quản lý và quyền sử dụng đất đai; (ii) Xung đột lợi ích trong các quan hệ đất đai; (iii) Xung đột các chế độ quản lý đất đai. Xung đột đất đai chiếm 70% đến 80% các vụ khiếu kiện đông người, xung đột xã hội và điểm nóng chính trị - xã hội ở cả nước nói chung, ở vùng tộc người thiểu số nói riêng. Thậm chí một số địa phương các vụ việc liên quan đến xung đột đất đai lên tới 90% trong các vụ việc có tính chất xung đột.

- Trước hết, có thể phải nhấn mạnh rằng, cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng làm rõ quyền trách nhiệm nghĩa vụ của các chủ thể đối với các quyền sở hữu, đại diện quản lý và sử dụng.

- Cần đổi mới căn bản tư duy về pháp luật đất đai, trong đó cần khẳng định chủ quyền tối cao của quốc gia về đất đai, mà Nhà nước là đại diện, dưới đó, cần đa dạng hóa các hình thức sở hữu đất đai, như thực tế trong đời sống xã hội đang diễn ra đối với “quyền sử dụng đất”.

- Cần phát huy vai trò của Luật tục, của các cộng đồng tộc người trong việc quản lý và sử dụng đất, nhưng không ảnh hưởng đến mục đích của pháp luật về đất

đai nói chung. Vì vậy, có thể kết hợp áp dụng Pháp luật và Luật tục, hương ước, để không những quản lý hiệu quả hơn xung đột đất đai, mà còn có thể tăng hiệu quả sử dụng đất đai, giải quyết căn bản tình trạng “thiếu đất” sản xuất của đồng bào các tộc người thiểu số.

3. Đối với Bộ Tài Nguyên Môi trường:

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy hai lĩnh vực mà người trả lời cho rằng quản lý xung đột yếu nhất là Đất đai (có 17,6%) và môi trường (12,2%) (Xem bảng 13, Chương 2). Như vậy quản lý xung đột đất đai và xung đột môi trường trong vùng các tộc người thiểu số là hai lĩnh vực thách thức lớn nhất.

Như vậy có thể nói, quản lý xung đột môi trường ở vùng đồng bào các tộc người thiểu số nói riêng và cả nước nói chung đặt ra những thách thức rất lớn, do tính “vô hình”, “thâm lặng” của các tác nhân gây ra xung đột. Hệ lụy của nó lại vô cùng to lớn, nếu không quản lý tốt, chúng ta không những không có phát triển bền vững, mà thành quả tăng trưởng kinh tế, không bù đắp được những hậu quả của sự hủy hoại môi trường sống. Lâu dài hơn, xung đột môi trường còn ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, sức khỏe người dân và suy kiệt giống nòi.

Kiến nghị:

1) Phát huy hiệu quả của công tác giao đất, giao rừng, khoán trồng rừng để sớm phục hồi diện tích rừng bị tàn phá. Điều này đã thấy rõ ở các tỉnh Tây Bắc. Quyết liệt với nạn lâm tặc, đốt rừng bừa bãi để lấy đất sản xuất, trồng cây công nghiệp. Quyết liệt đến mức như Thủ tướng phải ra lệnh đóng cửa rừng Tây Nguyên năm 2016.

2) Ngăn chặn nạn khai thác khoáng sản bất hợp pháp, thiếu kế hoạch ở các vùng núi, vùng đồng bào thiểu số, gây ra nạn phá rừng, sạt lở đất, ô nhiễm nguồn nước bởi hóa chất, mất trật tự an toàn xã hội.

3) Nhanh chóng xử lý những vấn đề ô nhiễm môi trường ở các khu nghiệp như Tầng Loóng, huyện Bảo Thắng, xã Bản Lầu huyện Mường Khương (Lào Cai); ô nhiễm ở các nhà máy nhiệt điện than Vĩnh Tân (Bình Thuận), Duyên Hải (Trà Vinh), ô nhiễm và nguy cơ ô nhiễm ở khu công nghiệp Tân Rai (Đắk Nông). Nói không với các dự án nhiệt điện than ở cả nước nói chung và đặc biệt là vùng tộc người thiểu số nói riêng. Tích cực có giải pháp khai thác các nguồn năng lượng thay thế, vốn có tiềm năng lớn ở nước ta như điện mặt trời, điện gió, thậm chí điện nhiệt lòng đất.

4) Có biện pháp trợ giúp, bảo vệ bà con vùng Đồng bằng sông Cửu Long trước tình hình biến đổi khí hậu bất lợi và thiếu nước ngọt do dòng sông Mê Công bị chặn ở thượng nguồn. Nhất là trợ giúp đồng bào Khmer, vốn còn nhiều khó khăn.

4. Đối với Ban tuyên giáo, Ban Đối ngoại TƯ và Bộ Ngoại giao:

Như đã phân tích rõ trong Báo cáo tổng hợp, ở Việt Nam hiện nay có 3 nhóm ly khai chính: (i) Nhóm chủ trương thành lập “Vương quốc Mông”; (ii) Nhóm chủ trương thành lập “Nhà nước Dega”; (iii) Nhóm chủ trương thành lập “Nhà nước Khmer Krom”. Về quan hệ tộc người, nhóm thứ nhất liên quan đến tộc người Mông, nhóm thứ 2 liên quan đến một số tộc người ở Tây Nguyên (trước đây gọi là người Thượng), nhóm thứ 3 liên quan đến tộc người Khmer Tây Nam Bộ. Ngoài ra có một số hoạt động ly khai của một số phần tử người Chăm, phần lớn các phần tử ly khai người Chăm tham gia vào Dega. Các tổ chức ly khai “Vương quốc Mông”, “Nhà nước Dega”, “Nhà nước Khmer Krom” đã hoạt động hàng chục năm nay ở nước ta. Âm mưu, thủ đoạn ngày càng lộ rõ, hoạt động ngày càng ráo riết bằng nhiều hình thức:

- Tuyên truyền, lôi kéo, mua chuộc, dụ dỗ, đe dọa, kích động người dân tin theo đi theo bọn chúng;

- Lợi dụng tôn giáo, lập ra tổ chức tôn giáo phi pháp và thông qua truyền đạo bất hợp pháp để tuyên truyền ly khai;

- Lợi dụng những mâu thuẫn trong nhân dân, những thiếu sót trong thực hiện chính sách dân tộc của Nhà nước ta, tổ chức khiếu kiện, biểu tình, bạo loạn. Thậm chí chúng còn “tuyển” người ra nước ngoài để huấn luyện cốt cán, chiến binh...

- Chúng vu cáo Nhà nước ta kỳ thị, phân biệt đối xử, đàn áp đối với các tộc người thiểu số; gieo rắc thù hận giữa các tộc người thiểu số với người Kinh, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Tăng cường các hoạt động trên các diễn đàn quốc tế, kể cả các diễn đàn của Liên hợp quốc để khuếch trương thanh thế, xuyên tạc chính sách tộc người thiểu số của Việt Nam.

Kiến nghị đối với Ban Tuyên giáo:

- 1) Cần có kế hoạch, chương trình công tác riêng, mang tính đặc thù đối với vùng các tộc người thiểu số, cả về nội dung, nhân lực, phương pháp, phương tiện, ngân sách.

- 2) Bên cạnh việc tuyên truyền đường lối, chính sách tộc người thiểu số của Đảng và Nhà nước cho mọi đối tượng, từ cán bộ, đảng viên cho đến từng người dân. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tuyên truyền về lịch sử tộc người, về lịch sử quan hệ tộc người trong quan hệ với toàn dân tộc; tuyên truyền truyền thống bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển giữa các tộc người trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

- 3) Xây dựng bộ đỡ tư tưởng cho khối đoàn kết toàn dân tộc, đồng thuận xã hội, chú ý tuyên truyền chủ nghĩa cộng đồng Việt Nam trong các tộc người thiểu số.

Khắc phục việc tuyên truyền những nội dung thiếu thiết thực hàng chục năm. Qua các điểm nóng chính trị - xã hội vùng tộc người thiểu số cho thấy, người dân tham gia xung đột không hiểu, không quan tâm đến những nội dung mà hàng chục năm chúng ta tuyên truyền trong công tác tư tưởng.

Trong quá trình giáo dục hai loại ý thức tộc người và ý thức dân tộc, cần đặt ý thức cộng đồng dân tộc Việt Nam lên trên hết. Phải làm cho hai loại ý thức trên không mâu thuẫn với nhau, mà còn bổ sung cho nhau, nương tựa vào nhau để cùng phát triển trong một chính thể cộng đồng dân tộc Việt Nam đa tộc người thống nhất.

4) Phát huy chủ nghĩa cộng đồng Việt nam như là một giá trị văn hóa chính trị cốt lõi trong quản lý và giải tỏa xung đột xã hội, điểm nóng chính trị - xã hội ở nước ta nói chung ở vùng tộc người thiểu số nói riêng.

5) Phải vạch trần những luận điệu lôi kéo, gây chia rẽ dân tộc, gây mất đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch.

Kiến nghị đối với Ban Đối ngoại TƯ và Bộ Ngoại giao

Hoạt động chống phá của các tổ chức ly khai trên đang ráo riết diễn ra trên các diễn đàn quốc tế có thể làm cho một bộ phận nhân dân thế giới hiểu sai về Việt Nam, kích động tâm lý chống đối, ly khai của một bộ phận người dân trong nước. Hệ quả của những hoạt động động đó là không lường được. Vì vậy, một trong những giải pháp quan trọng, làm tăng hiệu lực hiệu quả quản lý xung đột xã hội và điểm nóng chính trị - xã hội ở vùng tộc người thiểu số là đấu tranh ngoại giao với các thế lực thù địch.

Kiến nghị:

1) Làm rõ vấn đề xung đột xã hội vùng tộc người thiểu số đối với dư luận nước ngoài, loại bỏ tối đa những ảnh hưởng sai trái, tiêu cực của dư luận quốc tế về vấn đề tộc người, tôn giáo, vấn đề phân biệt đối xử... ở nước ta.

2) Làm rõ những vấn đề lịch sử, pháp lý, thực tiễn liên quan đến những luận điệu tuyên truyền thù địch của các tổ chức ly khai.

3) Vạch trần, cung cấp thông tin về những âm mưu, thủ đoạn vu cáo xuyên tạc lịch sử, chính sách tộc người, tôn giáo, tình hình dân chủ, nhân quyền của các tổ chức ly khai, thù địch cho cộng đồng quốc tế.

4) Có phương án ứng phó tốt nhất với những hoạt động của các thế lực thù địch (người Việt ở nước ngoài và người nước ngoài) đang lợi dụng những vấn đề tộc người, tôn giáo để chống phá Nhà nước ta trên các diễn đàn quốc tế.

Muốn làm được điều này phải dựa vào kết quả nghiên cứu sâu của các tổ chức, các nhà khoa học trong và ngoài nước. Đẩy mạnh các nghiên cứu theo hướng này.

5. Đối với Ban Dân vận Trung ương:

Qua điều tra chúng tôi thấy rằng ở vùng tộc người thiểu số, xung đột xã hội xảy ra chủ yếu giữa chính quyền với người dân. Còn các hiện tượng xung đột giữa các tộc người, kể cả với người Kinh, giữa người theo đạo và không theo đạo đều ít hơn với mức độ khác biệt khá lớn. Một đặc điểm xung đột xã hội vùng các tộc người thiểu số là Nhà nước vừa là cơ quan quản lý xung đột, lại vừa là một bên của xung đột mà lại là bên lớn nhất. Điều này đặt ra vấn đề là quan hệ giữa chính quyền với người dân còn tồn tại rất nhiều vấn đề. Chủ yếu là trong các lĩnh vực giải quyết khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo; trong quan hệ đất đai, trong vấn đề môi trường... Nó chứng tỏ rằng chính sách và việc thực hiện chính sách dân tộc, hoặc cả hai của Nhà nước ta có vấn đề. Công tác vận động quần chúng là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Nhưng Ban Dân vận có vai trò đặc biệt.

Kiến nghị:

- 1) Đổi mới công tác dân vận phù hợp với đặc điểm của vùng tộc người thiểu số.
- 2) Thành lập các tổ hòa giải ở cơ sở, đặc biệt khi có tình huống xung đột xảy ra.
- 3) Tăng cường hình thức “tự dân vận” của các cộng đồng dân cư bằng cách hướng dẫn các cộng đồng dân cư tự tổ chức các cuộc tiếp xúc, trao đổi, hội thảo về các vấn đề kinh tế - xã hội; trong tình huống xung đột thì thảo luận về quản lý xung đột xã hội. Đây là một hình thức rất quan trọng vì người tham dự có thể thu nhận được nhiều thông tin, tham khảo được nhiều cách tiếp cận, cách nhìn khác nhau, tạo ra các liên hệ và các ý tưởng để quản lý xung đột và lập ra các chương trình tự hòa giải. Các cuộc hội thảo này, có thể là các “kênh” mang tính độc lập, không quá phụ thuộc và các ý kiến “chi đạo” từ các cấp chính quyền, cũng không quá phụ thuộc vào các “giáo luật” của tôn giáo, và nó cũng không phụ thuộc vào các định kiến, tập quán có sẵn, giúp thay đổi hình ảnh của chính quyền.
- 4) Phối hợp với Ban Tuyên giáo, xây dựng các chương trình, kế hoạch đề án dân vận đặc thù trọng điểm trong các vùng phức tạp, đặc biệt chú ý là dân vận trong đồng bào Mông, các tộc người Tây Nguyên, trong đồng bào Chăm và đồng bào Khmer.
- 5) Chuyển từ văn hóa chỉ thị mệnh lệnh hành chính từ phía các cơ quan nhà nước, “văn hóa bạo lực” (hung hãn, thích sử dụng bạo lực trong các va chạm, tranh chấp, xung đột) của một bộ phận người dân trong xã hội sang văn hóa đối thoại
- 6) Chú trọng vận động quần chúng, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

6. Đối với các cơ quan hữu quan liên quan cần tiếp nhận sự giúp đỡ quốc tế:

Trong những tình huống xung đột, các tổ chức quốc tế, các NGOs còn có thể tham gia viện trợ mang tính chất nhân đạo. Kinh nghiệm quốc tế chỉ ra rằng, viện trợ nhân đạo và quản lý xung đột có thể là một sự phối hợp thành công.

Sự tham gia, hỗ trợ của các tổ chức NGOs quốc tế thường bị chính trị hóa bởi phía cung cấp viện trợ hoặc phía nhận viện trợ. Vì vậy, trước khi hành động phải thống nhất về các nguyên tắc, tạo dựng lòng tin, xây dựng một tư duy văn hóa khoan dung, thúc đẩy đối thoại trên tinh thần trách nhiệm và xây dựng.

Kinh nghiệm quốc tế cũng chỉ ra rằng hỗ trợ nhân đạo trong xung đột xã hội sẽ có hiệu quả hơn, nếu các nội dung, hình thức và địa chỉ do các tổ chức địa phương nhận hỗ trợ khởi xướng.

Để có thể thành công trong kết hợp quản lý xung đột và giúp đỡ nhân đạo từ các tổ chức quốc tế, đòi hỏi phải có thái độ, cách tiếp cận vấn đề đúng đắn khách quan, không định kiến, không lợi dụng. Cần phải thực hiện các nguyên tắc nhất định:

- *Nguyên tắc vô tư*: Bên giúp đỡ không ràng buộc điều kiện nào, ngoài mục đích nhân đạo và phát triển. Vô tư áp dụng đối với tộc người, tôn giáo, tín ngưỡng.

- *Nguyên tắc độc lập*: Sự giúp đỡ không bị chi phối bởi các lực lượng chính trị, hoặc nhà nước nào, nhằm mục đích chống phá nhà nước Việt Nam.

Các hình thức hỗ trợ có thể trực tiếp hoặc gián tiếp:

- 1) Hàng hóa giúp đỡ được cung cấp thẳng đến người dân;
- 2) Hỗ trợ thông qua các tổ chức chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các tổ chức tôn giáo (hợp pháp).
- 3) Hỗ trợ thông qua chương trình giáo dục, nâng cao năng lực của cộng đồng trong xóa đói, giảm nghèo hoặc phát triển sản xuất.
- 4) Hỗ trợ các dự án giảm thiểu xung đột, ổn định xã hội sau xung đột...

7. Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

Quân đội và Công an là lực lượng nòng cốt trong đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Qua thực tế các xung đột xã hội và điểm nóng chính trị-xã hội vùng tộc người thiểu số đã khẳng định vai trò đó.

Kiến nghị với Bộ quốc phòng:

- 1) Về nguyên tắc, lực lượng quân đội chỉ làm chức năng bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm hòa bình và an ninh quốc gia. Vì vậy trong các xung đột, nhất là trong các xung đột mang tính chất mâu thuẫn nội bộ, ở giai đoạn thấp, quân đội không nên trực tiếp tham gia giải tỏa với tư cách là lực lượng vũ trang, lực lượng sức mạnh, tham gia trấn áp người dân.

Thời gian qua, trong một số xung đột ở nước ta, nhiều nơi đã sử dụng lực lượng quân đội (địa phương) chưa hiệu quả, thậm chí chưa đúng. Kinh nghiệm từ

các điểm nóng Thái Bình, Tây Nguyên, Tiên Lãng (Hải Phòng)...Đảng ta bao giờ cũng chỉ đạo lấy vận động quần chúng nhân dân làm chính. Quân đội chỉ tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ các mục tiêu quan trọng nhạy cảm về an ninh, quốc phòng, không để các nhóm quá khích phá hoại. Ở nơi nào, sử dụng lực lượng quân đội không hợp lý, đều để lại những hậu quả nghiêm trọng.

2) Với điều kiện đặc thù của nước ta, Quân đội là một đội quân chiến đấu, đội quân công tác, và đội quân lao động sản xuất, thì ở vùng tộc người thiểu số bộ đội, nhất là bộ đội biên phòng có vai trò khá đặc biệt. Quân đội, ngoài chức năng, nhiệm vụ chính, lực lượng vũ trang (bộ đội biên phòng), cần phát huy việc tăng cường lực lượng tham gia cấp ủy, cán bộ chủ chốt các xã biên giới, các xã vùng sâu, vùng xa như thời gian vừa qua.

Kiến nghị với lực lượng Công an:

Khảo sát thực tế cho thấy, vai trò của Công an trong quản lý xung đột xã hội và điểm nóng chính trị - xã hội vùng tộc người thiểu số là đặc biệt quan trọng. Để phát huy thành tựu đó, lực lượng công an cần:

1) Tăng cường bám sát địa bàn, nắm chắc địa bàn, nắm chắc đối tượng, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ làm hạn chế những thiệt hại do các hành vi quá khích gây ra.

2) Kết hợp tốt với các cơ quan chức năng trong việc thu thập hồ sơ chứng cứ các đối tượng cầm đầu, quá khích.

3) Đối với đám đông quần chúng, trong các xung đột xã hội và điểm nóng chính trị - xã hội, muốn lập lại trật tự, phải "hạ nhiệt", giải tán được đám đông, đưa quần chúng về nhà. Các biện pháp là:

- Nắm rõ tâm tư, nguyện vọng, yêu sách của người dân;

- Đối với những yêu sách của đám đông, cố gắng phối hợp với các cơ quan chức năng để có thể: Yêu sách nào có thể giải quyết ngay, thì ra quyết định ngay. Yêu sách nào có thể giải quyết, nhưng cần thời gian, cần nói rõ cho bà con và hứa thời gian giải quyết. Yêu sách nào không thể giải quyết vì ngoài thẩm quyền, ngoài khả năng thực tế, hoặc sai trái, cần nói rõ với người dân.

4) Lực lượng công an phải đảm bảo trật tự an toàn cho các bên, đặc biệt là an toàn cho những người có trách nhiệm đối thoại với đám đông. Trong giải tán đám đông không nên nóng vội, vì "được việc" mà sử dụng những biện pháp "mạnh", "quá tay" chưa cần thiết, không đúng lúc. Nhiều khi đám đông có thể giải tán chậm hơn chút, nhưng bình yên, còn hơn là giải tán nhanh mà đổ máu, thương tích, thù oán.

5) Sau khi xung đột hoặc điểm nóng đã được dập tắt, lực lượng Công an phối hợp với các cơ quan chức năng giữ gìn trật tự, khắc phục hậu quả, tiếp tục đấu tranh với những phần tử ngoan cố, quá khích, truy quét những tên phạm tội đang lẩn trốn.

6) Để làm được những nhiệm vụ trên, Lực lượng Công an phải thường xuyên nâng cao cảnh giác, để không bị động, bất ngờ, trau dồi tư tưởng, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao hiểu biết về quản lý xung đột xã hội để đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình an ninh, trật tự vùng tộc người thiểu số đang biến đổi mạnh mẽ và phức tạp hiện nay.

7) Đối với lực lượng Công an, Quân đội, nhất là Công an, cần xác định các tiêu chí thành công hoặc thất bại trong quản lý xung đột xã hội để quyết định áp dụng biện pháp thượng sách, trung sách, hạ sách. Để tính toán, liệu can thiệp bằng lực lượng quân đội và công an hay không? Khi nào thì cần thiết và cần thiết ở mức nào? Tránh cho việc xuất hiện của quân đội và công an làm cho xung đột thêm căng thẳng, gây bất lợi trước dư luận quốc tế, tạo cơ cho các thế lực thù địch.

8. Đối với Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp, lực lượng vũ trang, công an nhân dân, các phương tiện truyền thông (tác giả đã nhiều lần đề nghị):

- Thay đổi cách sử dụng các thuật ngữ “tộc người” (ethnic), “dân tộc” (nation) cho chính xác, khoa học, theo bản chất vấn đề, tinh thần học thuật và thông lệ quốc tế. Tránh việc dùng những khái niệm này mang tính chất hàm ý, ám chỉ, theo thói quen ở trong nước và gây hiểu lầm, mơ hồ trong dư luận thế giới, làm cho các thế lực thù địch lợi dụng.

Theo đó dân tộc Việt Nam là một cộng đồng đa tộc người, gồm 54 tộc người, trong đó có một tộc người đa số, 53 tộc người thiểu số, chứ không phải 54 dân tộc trong một dân tộc.

- Cần sử dụng đúng các khái niệm: “tộc người” (ethnic), tộc người thiểu số (ethnic minorities), tộc người đa số (ethnic majority) dân tộc (nation), dân tộc thiểu số (nation minorities), dân tộc đa số (nation majority); quốc gia đa dân tộc (multinational nation), quốc gia đa sắc tộc - tộc người (multiethnic nation)...trong các văn kiện, văn bản chính thức, ngoại giao, cũng như trong sử dụng hàng ngày.

- Chống các thủ đoạn phá hoại, lý khai bằng cách làm tường minh nội hàm các khái niệm “tộc người”, “dân tộc”.

Trừ dân tộc Việt Nam, có một biên giới lãnh thổ quốc gia rõ ràng, các tộc người kể cả người Kinh sống chung, xen kẽ, tự do, không có biên giới, ranh giới, địa bàn hoặc lãnh thổ cố định theo bất kỳ tiêu chí lịch sử, hành chính, pháp lý quốc gia và quốc tế nào. Công dân Việt Nam dù bất kỳ tộc người nào cũng được tự do cư trú, đi lại, làm ăn, sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam và đã được Hiến định, đã được pháp luật quốc tế công nhận. Vì vậy ở Việt Nam không có tộc người bản địa, càng không có dân tộc bản địa. Các âm mưu cái gọi là “đấu tranh cho quyền dân tộc bản

địa” ở Việt Nam; đòi ly khai, thành lập quốc gia tộc người trên lãnh thổ Việt Nam là phi lý về lịch sử, hành chính và pháp lý. (Một phần cũng do sử dụng không chính xác thuật ngữ “tộc người” và “dân tộc”).

- Cần thay đổi cách dùng này trong các văn bản quy phạm pháp luật, trước hết cần đưa vào luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định về công tác Văn thư của Chính phủ, Quy định của Đài truyền hình và các cơ quan báo chí, thông tấn. Trong lúc chưa thay đổi được hoàn toàn, nhất là trích dẫn các văn bản cũ, cần cho phép sử dụng song song, nhưng phải có chú thích.

9) Đối với Ban Bí thư, Chính phủ

Chúng ta không thể phủ nhận được sự xuất hiện, tồn tại, phát triển và khả năng tác động đa chiều, phức tạp của các tôn giáo (kể cả các tổ chức tôn giáo mới) trong xã hội nước ta hiện nay. Cần có cách tiếp cận mới, toàn diện, khoa học, coi chúng như một hiện tượng văn hóa-xã hội-tộc người đã từng xuất hiện và đang xuất hiện trong đời sống hiện đại. Từ đó có cơ chế, chính sách, biện pháp quản lý, đấu tranh phù hợp đối với từng tổ chức.

Dưới sự tác động của các tôn giáo, nhất là Tin lành ở Tây Bắc và Tây Nguyên, những nơi, người dân vốn chỉ theo tín ngưỡng dân gian, ở nhiều cộng đồng tộc người đang diễn ra sự chuyển đổi bản sắc tộc người: từ bản sắc cộng đồng tộc người - văn hóa, thành các cộng đồng tộc người - văn hóa - tôn giáo. Niềm tin tôn giáo trở thành một yếu tố mới, quan trọng gắn kết các nhóm tộc người, đưa con người cá nhân vượt ra ngoài phạm vi gia đình, dòng họ, làng bản, tộc người đến với quốc gia và quốc tế. Do vấn đề tộc người và tôn giáo là hai lĩnh vực nhạy cảm luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, liên quan tới các yếu tố chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội, văn hóa của các tộc người cũng như quốc gia, nên trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung, chính sách tộc người, chính sách tôn giáo nói riêng cần chú ý đến mối quan hệ cũng như sự tác động hữu cơ của hai vấn đề này. Vì vậy cần:

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện các chính sách đảm bảo cho các tôn giáo phát triển bình đẳng, kể cả những “tổ chức tôn giáo mới” đã có đủ điều kiện hoạt động hợp pháp, không để nảy sinh thêm và làm trầm trọng hơn những mâu thuẫn xung đột giữa nội bộ các tôn giáo, giữa các tôn giáo (cũ và mới), giữa người theo và không theo tôn giáo, giữa các tôn giáo, tổ chức tôn giáo và chính quyền. Có biện pháp quản lý phù hợp để quản lý những mối quan hệ tôn giáo, tín ngưỡng (mà về bản chất là hướng thiện), giữa các tộc người, ở phạm vi trong nước và liên/ xuyên biên giới.

2. Củng cố lòng tin của các tín đồ, chức sắc tôn giáo đối với chế độ ta thông qua thái độ bao dung, tăng cường tiếp xúc, đối thoại hiểu biết lẫn nhau, thăm hỏi, tổ chức lễ hội tôn giáo, tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo hợp pháp tham gia vào đời sống kinh tế - xã hội... để khắc phục những bất đồng, mâu thuẫn, đồng thời tranh thủ những nhân tố tích cực, thu hút các tôn giáo góp phần giải tỏa xung đột, xây dựng sự đoàn kết toàn dân tộc, đồng thuận xã hội; tạo điều kiện để đồng bào các tôn giáo hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước.

3. Tôn trọng, sử dụng đội ngũ trí thức, những người có uy tín của tôn giáo để họ lãnh đạo, tập hợp tín đồ ủng hộ, phối hợp với chính quyền thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội vùng tộc người thiểu số và vùng tôn giáo, đồng thời chống lại những tổ chức lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng hoạt động trái pháp luật.

4. Kiên quyết đấu tranh chống lại các cá nhân, nhóm, tổ chức tôn giáo, “tổ chức tôn giáo mới”... lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ khối đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện âm mưu ly khai, kích động kỳ thị tộc người; gây mâu thuẫn, xung đột giữa các tộc người, giữa các tôn giáo; chia rẽ các tộc người thiểu số với người Kinh, đi ngược lại truyền thống văn hóa tốt đẹp của các tộc người thiểu số nói riêng, toàn dân tộc Việt Nam nói chung, làm mất ổn định chính trị - xã hội.

5. Tổ chức lại hệ thống các cơ quan quản lý tôn giáo.

10. Đối với các địa phương vùng Tây Nam Bộ

Thứ nhất: Khi xây dựng chính sách dân tộc và tôn giáo phải chú ý đến khía cạnh văn hóa, xã hội, tâm lý, lịch sử... của các cộng đồng Khmer, Chăm, Hoa. Hoàn thiện chính sách dân tộc, tôn giáo phù hợp với tính đặc thù của từng đối tượng, từng địa bàn. Trong xây dựng chính sách, các cấp ủy đảng, chính quyền cần thực hiện đúng tinh thần của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ hai: Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa vấn đề tộc người, tôn giáo và văn hóa trong đồng bào Khmer, Chăm ở vùng Tây Nam Bộ. Các chính sách phải hợp lý, nhất quán để đồng bào vừa giữ gìn được truyền thống văn hóa của mình, vừa thực hành tín ngưỡng tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật.

Thứ ba: Có chính sách đào tạo đối với các tộc người thiểu số, trong đó có đào tạo chức sắc tôn giáo, làm sao để các tôn giáo không phải cử người ra đào tạo chức sắc ở nước ngoài. Các địa phương cần có chính sách ưu đãi tuyển dụng, bố trí sử dụng học sinh, sinh viên các tộc người thiểu số sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, góp phần xây dựng đội ngũ trí thức, cán bộ chủ chốt các cấp đủ cơ cấu là người các tộc người thiểu số.

Thứ tư: Kiên quyết đấu tranh chống lại các hành vi lợi dụng vấn đề tôn giáo của các thế lực thù địch nhằm kích động, gây chia rẽ mối quan hệ đoàn kết giữa các tộc người thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.